

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-10-2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thẩm

2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đàm Văn H, sinh năm: 1991,

Địa chỉ: Tổ 17, ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Bé Tiền, sinh năm: 1992,

Địa chỉ: Tổ 01, ấp PC, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Anh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-7-2019, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đàm Văn H trình bày:

Anh yêu cầu được ly hôn với vợ tên Lê Thị Bé T. Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Đàm Thị Hoàng L, sinh ngày 01-02-2013, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng anh chung sống từ năm 2011 có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Từ năm 2014 đến nay vợ anh về sống với cha mẹ ruột đến nay, không thăm con lần nào, vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do: Hai vợ chồng không hợp tính tình, anh làm thợ cạo mũ cao su thu nhập rất ít, vợ anh chán nản rồi bỏ đi. Từ năm 2014 đến nay mạnh ai nấy sống, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Bé T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T để cam kết giao lại nhưng chưa thu thập được ý kiến, yêu cầu. Bà T trình bày chị Tiên có nơi cư trú tại nhà của bà nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng được, con bà nhấn lại là đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, ông Trần Anh M phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.** Anh Đàm Văn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị Bé T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đàm Văn H đối với chị Lê Thị Bé T.

+ **Về con chung:** Giao anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thị Hoàng L, sinh ngày 01-02-2013. Ghi nhận anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ **Về tài sản chung:** Ghi nhận anh H không yêu cầu giải quyết.

+ **Về nợ chung:** Anh H khai không có nên không giải quyết.

Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đàm Văn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị Bé T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đàm Văn H và chị Lê Thị Bé T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh

vào ngày 09-4-2013. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh H có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Hoàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng anh H và chị T sống không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn với nhau về kinh tế gia đình (thu nhập) và ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn được.

Xét thấy, thời gian sống ly thân của vợ chồng anh H chị T đã lâu; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp.

[4] Về con chung: Từ ngày ly thân đến nay anh H là người trực tiếp nuôi con. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi và mọi mặt của con chưa thành niên cần **giao anh H** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thị Hoàng L, sinh ngày 01-02-2013 là phù hợp. Ghi nhận anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh H khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, **228** và **273** Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đàm Văn H đối với chị Lê Thị Bé T. Anh Đàm Văn H được ly hôn với chị Lê Thị Bé T.

2. Về con chung: **Giao anh Đàm Văn H** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thị Hoàng L, sinh ngày 01-02-2013. Ghi nhận anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh H khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Anh H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009460 ngày 12-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, **anh H** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Hiếu

